

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Hệ thống Thông tin Quản lý
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Hệ thống Thông tin Quản lý (Management Information Systems)
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung
Khóa	: 2021 – 2025

(Ban hành theo quyết định số 2843/QĐ-ĐHHS ngày 29 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)

Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2021 – 2022

1. Mục tiêu đào tạo và năng lực cốt lõi

1.1 Mục tiêu đào tạo

Chương trình Đại học Hệ thống Thông tin Quản lý (HTTTQL) đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. cụ thể chương trình đào tạo HTTTQL (hệ đại học) thể hiện các mục tiêu giáo dục sau:

1. **Kiến thức cơ sở** – Nắm vững các kiến thức và kỹ năng chung về kinh tế và HTTTQL.
2. **Kiến thức chuyên ngành** – Nắm vững kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành HTTTQL.
3. **Đạo đức** – Nhận ra khía cạnh đạo đức của các quyết định trong bối cảnh HTTTQL.
4. **Giải quyết vấn đề** – Có khả năng đưa ra những giải pháp sáng tạo cho việc ứng dụng công nghệ vào những vấn đề quản lý, kinh doanh và đánh giá các phương án.

1.2 Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Đại học Hệ thống Thông tin Quản lý sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau:

- **Thái độ và đạo đức nghề nghiệp**
 - Tôn trọng pháp luật và điều hành doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật.
 - Thể hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc tôn trọng các nguyên tắc đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp trong công việc.
 - Năng động, cầu tiến, tự tin trong công việc, có khả năng làm việc độc lập và hợp tác quốc tế.
- **Năng lực chuyên môn**
 - Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về thiết kế hệ thống, cơ sở dữ liệu, mạng và lập trình.
 - Nhận diện và phân tích được yêu cầu cho hệ thống thông tin (HTTT).
 - Hiểu và vận dụng được nguyên tắc thiết kế trong HTTT.
 - Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc phát triển trong HTTT.
 - Giải quyết hiệu quả các vấn đề trong bối cảnh HTTTQL.
 - Có khả năng giao tiếp, kết nối hiệu quả với các chuyên gia kinh doanh và CNTT.

▪ **Khả năng hội nhập và học tập suốt đời**

- Có kỹ năng tư duy phân biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề.
- Có kỹ năng lãnh đạo và làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ B1.
- Có kỹ năng tự học các kiến thức bổ trợ các chuyên ngành khác để phục vụ cho hướng công việc tương lai.
- Có khả năng tham gia vào các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao các kỹ năng, kiến thức tiên tiến trong lĩnh vực HTTTQL và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.

▪ **Cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp**

Dưới đây là một số công việc điển hình cho sinh viên tốt nghiệp ngành HTTTQL:

- Phân tích nghiệp vụ (Business Analyst)
- Phân tích hệ thống (System Analyst)
- Phân tích cơ sở dữ liệu (Database Analyst)
- Phân tích dữ liệu kinh doanh thông minh (Business Intelligence Analyst)
- Tư vấn công nghệ thông tin (IT Consultant)
- Phát triển ứng dụng kinh doanh (Business Application Developer)
- Quản lý cơ sở dữ liệu (Database Administrator)
- Quản lý dự án phát triển công nghệ thông tin (IT Development Project Leader)

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 Tín chỉ (không bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết).

Đầu khóa học sinh viên được xếp lớp:

a. Trình độ ngoại ngữ:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn anh văn (nếu có) hoặc chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ anh văn dự bị trở lên và học theo quy định học ngoại ngữ tại trường.

b. Trình độ tin học:

Kiến thức Tin học đại cương là yêu cầu đầu vào vì là điều kiện tiên quyết của một số môn trong Chương trình đào tạo (bậc Đại học) nên vào học kỳ 1 sinh viên sẽ được xếp học môn Tin học dự bị (không có tín chỉ). Sinh viên có thể đăng ký kiểm tra trình độ tin học và nếu điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên sẽ được miễn môn Tin học dự bị.

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH ngày 5 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen.

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.1 đến 7.1.3 có điểm TKMH ≥ 4.0 (hệ 10)
- Các môn học thuộc các mục từ 7.1.4 đến 7.2.4 có điểm TKMH ≥ 5.0 (hệ 10)

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1863/QĐ-BGH của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen, ký ngày ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Hoa Sen.

6. Thang điểm

Stt	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

7.1.1 Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng				165	11	

7.1.2 Khoa học xã hội

- Bắt buộc (3 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Vietnamese Law System	45	3	
Cộng				45	3	

– Tự chọn (6 tín chỉ): chọn 2 môn

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	DC115DV01	Phương pháp học Đại học	Study Skills in Higher Education	45	3	
2	DC121DV02	Triết học trong cuộc sống	Philosophy in Practice	45	3	
3	DC122DV01	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Vietnamese Writing Skill	45	3	
4	DC127DV03	Cảm thụ âm nhạc	Music Appreciation	45	3	
5	DC132DV01	Kỹ năng truyền thông	Communication Skills	45	3	
6	DC202DV01	Tư duy phản biện	Critical Thinking	45	3	
7	DC203DV01	Dẫn nhập phương pháp nghiên cứu	Introduction to Research Methods	45	3	
8	PSY107DV01	Tâm lý học: Khái niệm và ứng dụng	Introduction to Psychology	45	3	
9	DC149DV01	Xử lý khủng hoảng	Crisis Management	45	3	
10	DC150DV01	Nhân học và đời sống	Anthropology in Practice	45	3	
11	DC152DV01	Khoa học trái đất	Earth Science	45	3	
12	DC155DV01	Luật an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu toàn cầu	Cyber Security and Data Privacy Law	45	3	
Cộng				90	6	

7.1.3 Khoa học tự nhiên

ST T	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	45	3	
Cộng				45	3	

7.1.4 Ngoại ngữ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC4	105	5	
2	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
3	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng				315	15	

7.1.5 Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

7.1.6 Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết, cấp chứng chỉ GDQP – An ninh

7.1.7 Thực tập nhận thức tại doanh nghiệp: 7 tuần, 3 TC

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Gh i chú
1	QT106DV02	Quản trị học	Introduction to Management	45	3	
2	MK203DV01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	45	3	
3	QT101DV01	Kinh tế vi mô	Microeconomics	45	3	
4	QT102DV01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	45	3	
5	KT204DV01	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	45	3	
6	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	Introduction to MIS	45	3	
7	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	45	3	
8	TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	45	3	
9	NS207DE02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	45	3	
10	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative methods in Business	45	3	
11	MIS103DV01	Nhập môn CSDL	Introduction to Database	60	3	
Cộng				510	33	

7.2.2 Kiến thức chuyên sâu ngành chính

– Bắt buộc:

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Gh i chú
1	MIS208DV01	Phân tích và thiết kế HTTT	Information Systems Analysis & Design	45	3	
2	MIS209DV02	Lập trình ứng dụng kinh doanh	Business Application Programming	45	3	
3	MIS210DV01	Hệ QTCSDL căn bản	Fundamentals of Database Management Systems	60	3	
4	MIS211DE01	Sử dụng và quản lý hệ thống thông tin	Using and Managing Information Systems	45	3	

5	MIS302DE01	Phân tích hệ thống nghiệp vụ	Business System Analysis	45	3	
6	MIS306DE02	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	Enterprise Resource Planning	45	3	
7	MIS404DE02	Phát triển HTTT doanh nghiệp	Strategic development of business information systems	45	3	
Cộng				330	21	

- Tự chọn bắt buộc (06 tín chỉ): chọn 2 môn

ST T	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS303DV02	Ứng dụng TMĐT	Electronic Commerce Applications	45	3	
2	MIS312DV01	Những xu hướng công nghệ mới cho doanh nghiệp	Emerging Technology for Business	45	3	
3	MIS314DV01	Kinh doanh thông minh và phân tích dữ liệu lớn	Business Intelligence and Big Data Analytics	45	3	
4	MIS316DV01	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	Software Testing & Quality Assurance	45	3	
Cộng				90	6	

- Tự chọn chuyên sâu ngành chính (12 tín chỉ): chọn 4 môn

ST T	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS406DV01	Quản lý dự án HTTT	Information Systems Project Management	45	3	
2	MIS315DV01	Khai thác dữ liệu kinh doanh	Business Data Mining	45	3	
3	MIS311DV01	Quản lý bảo mật thông tin	Information Security Management	45	3	
4	MIS405DE02	Quản lý quy trình kinh doanh	Business Process Management	45	3	
5	MIS308DV02	HTTT quản lý chuỗi cung ứng	Supply Chain Management Information Systems	45	3	
6	MIS313DV02	Lập trình ứng dụng kinh doanh nâng cao	Advanced Business Application Programming	45	3	
Cộng				180	12	

- Đề án môn học (2 tín chỉ):

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	MIS304DV02	Đề án chuyên ngành HTTTQL	Management Information Systems Project	0	2	
Cộng				0	2	

7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do (6 tín chỉ)

Sinh viên được tự do lựa chọn 6 tín chỉ các môn học nằm trong danh mục môn học của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT.

7.2.4 Tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp* xét duyệt từng sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)
- Thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ)

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp.

Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn học thêm.

8. Các phụ lục đính kèm:

- Kế hoạch học tập: Các kế hoạch học tập đúng hạn (4 năm)
- Bảng đối chiếu Chuẩn đầu ra của CTĐT và môn học.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về cơ sở vật chất...
- Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 36
SV năm II	37 - 76
SV năm III	77 - 116
SV năm IV	Từ 117 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020
Trưởng/Phó Khoa KT&QT

Nam Suot

Ngày 28 tháng 11 năm 2020
Điều phối chương trình

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh

Trần Nam Quốc

Ngày 28 tháng 11 năm 2020



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện

ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI





PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Mẫu 1b

Ngành: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
Bậc: **ĐẠI HỌC**
Khóa: **2021-2025**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành HTTTQL được ban hành theo quyết định số 2643/QĐ-ĐHHS của Hiệu trưởng Đại học Hoa Sen, ký ngày 29/12/20....)

HỌC KỲ 1

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	EIC 1	0	158	
2	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	EIC 2	0	158	AV012DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1
3	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	45	
4	MIS102DV01	Nhập môn HTTTQL	Introduction to Management Information Systems	3	45	
5	Môn tự chọn KHXH 1			3	45	
6	TINV002DV01	Tin học dự bị		0	45	
Tổng cộng				9	496	

HỌC KỲ TẾT

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng		0	165	
Tổng cộng				0	165	

Ghi chú: Tùy trình độ tiếng Anh đầu vào và tình hình thực tế của nhà trường, môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được sắp xếp linh hoạt so với kế hoạch này.

HỌC KỲ 2

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV015DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC 3	0	105	AV013DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC 4	5	105	AV116DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3
3	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	30	
4	MIS103DV01	Nhập môn CSDL	Intro to Database	3	60	

5	MIS209DV02	Lập trình ứng dụng kinh doanh	Business Application Programming	3	45	-
6	QT101DV01	Kinh tế Vi mô	Microeconomics	3	45	-
7	MIS215DV01	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	3	45	TINV002DV01_Tin học dự bị
Tổng cộng				19		

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC 5	5	105	AV117DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4
Tổng cộng				5	105	

HỌC KỲ 3

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC 6	5	105	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
2	MIS208DV01	Phân tích và thiết kế HTTT	Information Systems Analysis & Design	3	45	MIS103DV01_Nhập môn CSDL
3	MIS210DV01	Hệ QTCSDL căn bản	Fundamentals of Database Management Systems	3	60	-
5	DC144DV01	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	2	30	DC143DV01_Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	QT106DV02	Quản trị học	Introduction to management	3	45	-
7	Giáo dục thể chất 1			1	45	
Cộng				17	330	

HỌC KỲ TẾT: SV học vượt hoặc trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 4

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	DC141DV01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin
2	MIS214DV01	Phân tích định lượng	Quantitative methods in Business	3	45	-
3	KT204DV02	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	3	45	-
4	KHTQ113DV01	Thống kê kinh doanh	Business statistics	3	45	

5	MIS211DE01	Sử dụng và quản lý HTTT	Using and Managing Information Systems	3	45	MIS102DV01_Nhập môn HTTTQL và AV210DV01_Ânh văn giao tiếp quốc tế 5
6	MK203DV01	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	3	45	-
7	Giáo dục thể chất 2			1	45	
Tổng cộng				18	270	

HỌC KỲ HÈ

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	MIS250DV01	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	0	

HỌC KỲ 5

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC142DV01_Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	QT102DV01	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	QT101DV01_Kinh tế Vi mô
3	MIS302DE01	Phân tích hệ thống nghiệp vụ	Business System Analysis	3	45	MIS208DV01_Phân tích và thiết kế HTTT và AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	SV chọn 1 trong 4 môn tự chọn bắt buộc sau:					
	MIS303DV02	Ứng dụng TMĐT	Electronic Commerce Applications	3	60	MK203DV01_Marketing căn bản
	MIS312DV01	Những xu hướng công nghệ mới cho doanh nghiệp	Emerging Technology for Business	3	45	
	MIS314DV01	Kinh doanh thông minh và phân tích dữ liệu lớn	Business Intelligence and Big Data Analytics	3	60	MIS210DV01_Hệ quản trị CSDL căn bản
	MIS316DV01	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	Software Testing & Quality Assurance	3	45	
5	Môn tự chọn KHXH 2			3	45	
6	Môn Tự chọn tự do 1			3	45	
7	Giáo dục thể chất 3			1	45	
Tổng cộng				18	525	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỲ 6

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	MIS306DE02	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	Enterprise Resource Planning	3	45	MIS102DV01_Nhập môn HTTTQL và AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
2	TC202DE01	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	3	45	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	SV chọn 1 trong 4 môn tự chọn bắt buộc sau:					
	MIS303DV02	Ứng dụng TMDT	Electronic Commerce Applications	3	60	MIS312DV01_Những xu hướng công nghệ mới cho doanh nghiệp
	MIS312DV01	Những xu hướng công nghệ mới cho doanh nghiệp	Emerging Technology for Business	3	45	
	MIS314DV01	Kinh doanh thông minh và phân tích dữ liệu lớn	Business Intelligence and Big Data Analytics	3	60	MIS210DV01_Hệ quản trị CSDL căn bản
	MIS316DV01	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	Software Testing & Quality Assurance	3	45	
4, 5	Chọn 2 môn trong nhóm môn chuyên sâu ngành chính (*)					
	MIS315DV01	Khai thác dữ liệu kinh doanh	Business Data Mining	3	45	MIS210DV01_Hệ QTCSDL căn bản
	MIS311DV01	Quản lý bảo mật thông tin	Information Security Management	3	45	
	MIS405DE02	Quản lý quy trình kinh doanh	Business Process Management	3	45	MIS302D_Phân tích hệ thống nghiệp vụ AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
6	Môn Tự chọn tự do 2			3	45	
Tổng cộng				18	135	

HQC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỲ 7

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
1	GLAW101D VOL	Pháp luật đại cương	Introduction to Vietnamese Law System	3	45	-
2	MIS404DE02	Chiến lược phát triển HTTT doanh nghiệp	Strategic development of business information systems	3	45	AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	NS207DE02	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	3	45	QT106DV02_Quản trị học và AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	MIS304DV02	Đề án chuyên ngành HTTTQL	Management Information Systems Project	2	0	AV116DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3 hoặc AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
5, 6	Chọn 2 môn trong nhóm môn chuyên sâu ngành chính:					
	MIS308DV02	HTTT quản lý chuỗi cung ứng	Supply Chain Management Information Systems	3	45	QT101DV01_Kinh tế Vi mô
	MIS406DV01	Quản lý dự án HTTT	Information Systems Project Management	3	45	MIS302D_Phân tích hệ thống nghiệp vụ
	MIS313DV02	Lập trình ứng dụng kinh doanh nâng cao	Advanced Business Application Programming	3	45	MIS209DV02_Lập trình ứng dụng kinh doanh
Tổng cộng				17	180	

HQC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HQC KỲ 8

STT	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước
	Chọn 1 trong 2 hình thức:					
1	MIS490DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9		MIS304DV01_Đồ án Hệ thống thông tin quản lý Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
2	MIS491DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9		MIS304DV01_Đồ án Hệ thống thông tin quản lý Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
Tổng cộng				9		

HỌC KỲ HÈ: Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ

- Tổng số tín chỉ: 130

- Số tín chỉ GDTC: 3

Lưu ý:

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 2, EIC 3, EIC 4, EIC 5, EIC 6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo bảng bên dưới (các môn học khác được

Stt	Trình độ anh văn đầu vào	Năm 1		
		Học kỳ 1 và học kỳ Tết	Học kỳ 2	Học kỳ hè
1	EIC 2	EIC 2 + EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
2	EIC 3	EIC 3	EIC 4 + EIC 5	EIC 6
3	EIC 4	EIC 4	EIC 5	EIC 6
4	EIC 5	EIC 5	EIC 6	
5	EIC 6	không học tiếng Anh	EIC 6	

2/ Các môn học Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020
Điều phối chương trình



Nguyễn Thị Thanh Thanh